

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/05/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC3+TTC2+TTC1	7:25	10+5+6	0+0+0		4+6+11	0+0+0	
2		P6+P8+BK19	7:25	5+14+3	0+0+0		3+15+4	0+0+0	
3		BK21+BK15+P11	7:25	9+12	0+0		4+17	0+0	
4		P6+BK14+BK20	9:25	7+2+12	0+0+0		8+1+11	0+0+0	chuyen 1 bk14-bk20
5		TD5+SAVR+BK16	9:25	2+13+4	0+0+0		0+11+6	0+0+0	
6		SAVR MRM+BK8+ SAVR	9:25	7+0+10	0+0+0		0+4+5	0+0+0	
7		PPD+TTC1+P3	11:25	10+10+1	0+0+0		8+12+1	0+0+0	
8		TD3+TTC3+P8	11:25	4+1+15	0+0+0		0+4+18	0+0+0	chuyen 3 ttc3-p8
9		P6+BK21	11:25	18+3	0+0		18+4	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P6-1ng, BK21-4ng, TTC1-4ng, TTC3-3ng, P8-5ng, bk20 1cd về bờ đi rp1 ngày khác



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/05/2025	TO: TTC3 - TTC2 - TTC1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	MIRSAYAPOV RUSLAN	TTC3	23	1	2			103	KH-THAC	Russian
2	TRINH BA ĐÔNG	TTC3						63	KH-THAC	Vietnamese
3	SMIRNOV SERGEI	TTC3	20	1	4			97	KH-THAC	Russian
4	LAZAEV ALEX	TTC3	18	1	6			86	KH-THAC	Russian
5	ĐẠO TIỀN ĐẠT	TTC3	21	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN BÁC	TTC3	22	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
7	CHU ĐỨC HÙNG	TTC3	24	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC CHUNG	TTC3	19	1	5			54	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ TUẤN MẠNH	TTC3	26	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	TTC3	25	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
11	PHÙNG MINH HIỆU	TTC2	17	1	6	4	65	77	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ TRƯỞNG KIẾN	TTC2	19	1	8			96	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VĂN TUẤN	TTC2						56	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ PHƯƠNG	TTC2	18	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔ CÔNG TANH	TTC2	16	1	4			64	PSV	Vietnamese
16	LARIN M.K.	TTC1	32	1	2	3	45	94	D-HANH	Russian
17	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	TTC1	33	1	3			47	KH-THAC	Vietnamese
18	VU VĂN MẠNH	TTC1						81	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO HUU HUY TU	TTC1						73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGO HUNG HAI	TTC1						74	ANTOAN	Vietnamese
21	TRẦN HOANG SANG	TTC1	34	1	14			94	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		TTC3	10	768	9	43	0	0	4			
2		TTC2	5	349	4	22	4	65	6			
3		TTC1	6	463	3	19	3	45	11			
		TOTAL	21	1.580	16	84	7	110	21			
		WEIGHT KG		1.580		84		110				

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE	08/05/2025	TO: P6 - P8 - BK19	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 2		FROM: VT	CREW: VTHẮNG - NPHÚ - TÚ	ETA: 09:20
XANH-1				

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CHERNAVSKII DMITRII	P6	61	1	9			118	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN VAN SAU	P6	64	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DUY ANH	P6	63	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI THE UU	P6	62	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
5	TO HUU THANG	P6	65	1	4			82	DK9	Vietnamese
6	HOANG ANH TU	P8						80	D-HANH	Vietnamese
7	TRAN VAN QUE	P8	08	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
8	VU XUAN THANH	P8	01	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG HOA	P8	07	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM KHAC DOAN	P8						64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUC THANG	P8	10	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI TRONG BINH	P8	11	1	13			82	KH-THAC	Vietnamese
13	CHU MINH HUNG	P8	09	1	3			87	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN VAN THINH	P8	02	1	5			72	NIPI	Vietnamese
15	TRAN KHOA TRUONG	P8	400	1	7			80	NIPI	Vietnamese
16	HOANG MINH TRI	P8						84	BIENDONG	Vietnamese
17	DUONG TRI NAM	P8						86	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TUAN ANH	P8	03-04	2	14	1	12	63	KH-THAC	Vietnamese
19	DU TRAN HUNG	BK19	24	1	16			77	KH-THAC	Vietnamese
20	DO MINH TOAN	BK19	25-26	2	16	1	20	113	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN HONG GIANG	BK19	23	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		P6	5	418	5	30	0	0	3			
2		P8	13	998	10	68	1	12	15			
3		BK19	3	263	4	41	1	20	4			
		TOTAL	21	1.679	19	139	2	32	22			
		WEIGHT KG		1.679		139		32				

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/05/2025	TO: BK21 - BK15 - P11	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - THU	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DUONG DUC HIEU	BK21	30	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN MANH TRUONG	BK21	29	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VAN TOAN	BK21	28	1	3			74	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYEN THANH HUY	BK21	32-33	2	20			90	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ANH DUNG	BK21						96	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH HOA	BK21	26	1	2			93	NIPI	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN THANG	BK21						61	NIPI	Vietnamese
8	LE HONG LINH	BK21	31	1	10			82	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN NGUYEN	BK21	27	1	6			71	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TINH	BK15	13	1	7			63	ĐANG KIEM	Vietnamese
11	NGUYEN DINH DUC	BK15	10	1	9			98	ĐANG KIEM	Vietnamese
12	QUACH THANH DO	BK15	14-15	2	13			68	ĐANG KIEM	Vietnamese
13	VO TA HOANG ANH	BK15	07-09	3	16			73	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN HOANG SON	BK15	17	1	6			88	KH-THAC	Vietnamese
15	HA QUANG TRUNG	BK15	05	1	11	1	15	53	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN QUANG HOANG	BK15	19	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG HUY	BK15	16	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
18	LUU TIEN THANH	BK15	11	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
19	LE CHI CONG	BK15	12	1	5	3	18	92	KH-THAC	Vietnamese
20	VU HUU CHINH	BK15						63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN SA	BK15	18	1	7			68	PSV	Vietnamese
22	BUI ANH SON	P11	51-52	2	13			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		BK21	9	717	8	61	0	0	4			
2		BK15	12	879	14	92	4	33	17			
3		P11	1	70	2	13	0	0	1			
		TOTAL	22	1.666	24	166	4	33	22			
		WEIGHT KG		1.666		166		33				

GRAND TOAL: 1.865 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/05/2025	TO: P6 - BK14 - BK20	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - HTNAM	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PIATOV S.V.	P6	17	1	12			103	KH-THAC	Russian
2	HA DUY ĐÔNG	P6						92	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TIEN DUNG	P6	81	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VAN HOAN	P6	82	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
5	HA XUAN THANH	P6	80	1	5			110	KH-THAC	Vietnamese
6	VU DINH HOAN	P6	78-79	2	18			80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HIEU	P6	76-77	2	17			81	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN QUANG PHU	BK14	20-21	2	16			60	DK9	Vietnamese
9	NGUYEN DINH CUONG	BK14	19	1	6			74	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN VIET HOA	BK20	39-40	2	19			83	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN NGOC QUYET	BK20	45	1	11			63	XAYLAP	Vietnamese
12	NGO HONG THANH	BK20	33	1	10			69	XAYLAP	Vietnamese
13	HA MANH DUNG	BK20	44	1	13			70	XAYLAP	Vietnamese
14	VO VAN HOAI	BK20	43	1	14			69	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM VAN QUYEN	BK20	46	1	10	1	20	75	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN VAN HE	BK20	34-35	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM BA HOANG	BK20	41-42	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN CANH LUYEN	BK20	31-32	2	22			71	XAYLAP	Vietnamese
19	LE VAN DUNG	BK20	36	1	9			76	XAYLAP	Vietnamese
20	LE HUY	BK20	37	1	10	1	15	66	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI VAN HOI	BK20	29-30	2	18			52	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		P6	7	624	8	62	0	0	8			
2		BK14	2	134	3	22	0	0	1+1		CHUYEN 1 PAX BK14-BK20	
3		BK20	12	819	17	173	2	35	11			
		TOTAL	21	1.577	28	257	2	35	20			
		WEIGHT KG		1.577		257		35				

GRAND TOAL: 1.869 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/05/2025	TO: TD5 - SAVR - BK16	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - NPHÚ - TÚ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ VIỆT LONG	TD5	01-02	2	9			61	CODIEN	Vietnamese
2	MAI ĐÌNH KHANG	TD5	03-04	2	15			51	CODIEN	Vietnamese
3	KLISHIN SERGEI	SAVR	61	1	16			90	AMNGR	Russian
4	PIKULSKI TIMUR	SAVR	59-60	2	13			124	AMNGR	Russian
5	DINH VAN DUONG	SAVR	78	1	19			63	XAY LAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HUU KHOA	SAVR	58	1	5			50	AMNGR	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SAU	SAVR	71-72	2	12			77	AMNGR	Vietnamese
8	KIRICHENKO KONSTANTIN P.	SAVR	55	1	5			83	KHOAN	Russian
9	LÊ HAI	SAVR	62	1	13			82	DVL	Vietnamese
10	HÀ VIỆT HUNG	SAVR	63	1	10			65	AMNGR	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN NGỌC	SAVR	68	1	8			67	DVL	Vietnamese
12	VŨ VIỆT ANH	SAVR	75-77	3	18			72	XAY LAP	Vietnamese
13	VÕ NG. MINH PHƯỚC	SAVR	56-57	2	20			71	XAY LAP	Vietnamese
14	ĐỖ ĐỨC HẬU	SAVR	64-65	2	16			66	XAY LAP	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN THANH	SAVR	66-67	2	19			65	XAY LAP	Vietnamese
16	HOANG TRUNG KIEN	SAVR	73	1	4	1	10	66	B-HUGHES	Vietnamese
17	PHAN VAN HUNG	SAVR	69-70	2	22			62	XAY LAP	Vietnamese
18	IUKHIMCHUCK A.	BK16	27	1	11			83	KH-THAC	Russian
19	PHAN QUANG VŨ	BK16	26	1	16			72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TRUNG	BK16	24-25	2	17			78	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ QUANG ĐẠO	BK16	28-30	3	19			79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		TD5	2	112	4	24	0	0	1			
2		SAVR	15	1.103	23	200	1	10	13			
3		BK16	4	312	7	63	0	0	6			
		TOTAL	21	1.527	34	287	1	10	20			
		WEIGHT KG		1.527		287		10				

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/05/2025	TO: SAVR - MRM - BK8	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - THU	ETA: 11:45
CAN-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU QUANG DUONG	SAVR	29	1	19			67	XAYLAP	Vietnamese
2	BU VAN VUONG	SAVR	27-28	2	15	2	33	65	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐANG VĂN DÂN	SAVR	31	1	6			64	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐO CÔNG PHONG	SAVR	32	1	12			70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN LOI	SAVR	33-34	2	23			63	XAYLAP	Vietnamese
6	LE PHAM TUAN HOANG	SAVR	35	1	15			63	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐANG XUAN THANG	SAVR	26	1	10	1	15	70	XAYLAP	Vietnamese
8	LUONG MINH KHUE	SAVR	30	1	6			59	NIPI	Vietnamese
9	PHAM THANH HAI	MRM	44-45	2	16	1	12	68	HALLIBUT	Vietnamese
10	LE NGUYEN THANH MINH	MRM	68	1	9	3	24	80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THANH HIEU	MRM	66-67,43	3	15	1	12	81	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN MANH HUNG	MRM	69	1	12			69	KHOAN	Vietnamese
13	GROMOV S. A.	MRM	72	1	13	1	8	83	KHOAN	Russian
14	NGUYEN THE HUNG	MRM	46	1	6	7	50	80	T-TIN	Vietnamese
15	LE VAN HOA	BK8	52-53	2	18			68	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN VAN LAI	BK8	56-57	2	23			59	XAYLAP	Vietnamese
17	LE NGOC HUNG	BK8	58-59	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
18	BU CONG DINH	BK8	55	1	15	1	9	107	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		SAVR	8	521	10	106	3	48	3		THAO 1 GHE DOI	
2		MRM	6	461	9	71	13	106	0			
3		BK8	4	302	7	76	1	9	17			
		TOTAL	18	1.284	26	253	17	163	20			
		WEIGHT KG		1.284		253		163				

GRAND TOAL: 1.700 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/05/2025	TO: PPD - TTC1 - P3	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - HTNAM	ETA: 14:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG THI VAN ANH	PPD	30	1	6			63	D-HANH	Vietnamese
2	VO NAM HAI	PPD	31	1	2			78	D-HANH	Vietnamese
3	BUI XUAN AN	PPD	29	1	3			71	D-HANH	Vietnamese
4	LE DAI THANH	TTC1	68	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN KHUONG	TTC1	71	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DUC BINH	TTC1	66-67	2	9			71	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN TRONG TUONG	TTC1	73	1	13			79	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG THAI ANH	TTC1	69-70	2	9	2	35	74	KH-THAC	Vietnamese
9	VO NGOC THAI SON	TTC1	76	1	15			76	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYEN THUA THAI	TTC1	74-75	2	19			67	CODIEN	Vietnamese
11	PHAM NGOC PHUONG	TTC1	78	1	15	6	60	73	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN CONG PHU	TTC1	77	1	10			79	CODIEN	Vietnamese
13	PHAM BA KHANH	TTC1	72	1	10			74	PSV	Vietnamese
14	DO QUOC VU	P3	34-35	2	15			68	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG THOA	P3	32	1	14			68	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN QUANG LUU	P3	33	1	13			64	XAYLAP	Vietnamese
17	DANG HUY CAN	P3	24-25	2	17			63	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN QUOC TUAN	P3	30-31	2	8			65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN HUU TOAN	P3	22-23	2	20			57	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN DANH LUAT	P3	26-27	2	16			67	XAYLAP	Vietnamese
21	KIM VAN TINH	P3	28-29	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC KHANH	P3	20-21	2	18			62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		PPD	3	212	3	11	0	0	2			
2		TTC1	10	725	13	113	8	95	8			
3		P3	9	576	16	141	0	0	12			
		TOTAL	22	1.513	32	265	8	95	22			
		WEIGHT KG		1.513		265		95				

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/05/2025	TO: TD3 - TTC3 - P8	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LINH - SON - DTÙNG	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRAN VIET HO	TD3	77	1	17			76	DVL	Vietnamese
2	LE PHU PHUC	TD3	72	1	8			82	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN VAN NAM (CN)	TD3	73-74	2	20			70	DVL	Vietnamese
4	TRUONG MINH KHANH	TD3	75	1	12			73	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN DINH PHUONG	TD3	76	1	8			85	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN NAM SON	TTC3	88	1	8			77	PSV	Vietnamese
7	PHAM XUAN CUONG	P8	74-75	2	11	1	14	75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM TU ANH	P8	14	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
9	THAI QUAN	P8	76	1	13	1	10	65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VINH DUNG	P8	73	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
11	LE QUANG THANG	P8	13	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN HOANG GIANG	P8	69-70	2	18			76	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG PHUC HUNG	P8	11-12	2	15			90	KH-THAC	Vietnamese
14	TRUONG VAN TUNG	P8	68	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN QUANG HUY	P8	15	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC TUAN	P8	23-24	2	16			67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG TUYEN	P8	67	1	15			72	XAYLAP	Vietnamese
18	NGHIEM TRINH NHAT	P8	71-72	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN CAO TRI	P8	18-19	2	16			83	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYEN HUE	P8	21	1	5			54	T-TIN	Vietnamese
21	LE MINH KHUONG	P8	20	1	6			79	PSV	Vietnamese
22	VU DUC TUNG	P8	16-17	2	8			75	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		TD3	5	386	6	65	0	0	0			
2		TTC3	1	77	1	8	0	0	4	3		CHUYEN 3 PAX TTC3-P8
3		P8	16	1.122	23	168	2	24	18			
		TOTAL	22	1.585	30	241	2	24	22			
		WEIGHT KG		1.585		241		24				

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE:	08/05/2025	TO: P6 - BK21	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: DUONG - HTRUNG -	ETA: 14:05	
TRANG-3		QTRUONG		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐANG THỌ TÂM	P6	44	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH HOAI NAM	P6	55-56	2	21	1	10	81	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN HIỆP	P6	47	1	5			89	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HUY THAI	P6	45	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO KIM SÂM	P6	41	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	P6	43	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH CHUNG	P6	53-54	2	14			70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUANG HUY	P6	42	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN KHÁNH	P6	46	1	2			61	KH-THAC	Vietnamese
10	VUÔNG VĂN THÔNG	P6				2	30	65	YTE	Vietnamese
11	ĐINH ĐỨC VƯƠNG	P6	57	1	10			76	XAY LAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG THANH	P6	50	1	6			73	PSV	Vietnamese
13	LÊ MINH HOÀN	P6	40	1	9			76	PSV	Vietnamese
14	ĐANG XUÂN ĐƯƠNG	P6	48	1	5			71	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG HUY	P6	49	1	9			91	PSV	Vietnamese
16	ĐOÀN THANH TRƯỜNG	P6	39	1	4			51	PSV	Vietnamese
17	LÊ DUY AN	P6	52	1	12			122	ANTOAN	Vietnamese
18	PHẦN MẠNH CƯỜNG	P6	51	1	5			85	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC HÙNG	BK21	35	1	10	1	20	70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HUY	BK21	24	1	15	4	76	76	KH-THAC	Vietnamese
21	DUƠNG VĂN CƯỜNG	BK21	34	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		P6	18	1.351	19	129	3	40	18			
2		BK21	3	224	3	31	5	96	4			
		TOTAL	21	1.575	22	160	8	136	22			
		WEIGHT KG		1.575		160		136				

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN